



ASSESSING AND PROPOSING SOME SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF MANAGEMENT OF STUDENT SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF AGRICULTURE AND FORESTRY

Nguyen Do Ngoc Han^{1*}, Dinh Thi My Loan¹, Luu Thanh Quang²

¹Ho Chi Minh City University of Agriculture and Forestry, Vietnam

²Foreign Trade University Campus II - Ho Chi Minh City, Vietnam

ARTICLE INFO	ABSTRACT
DOI: 10.52932/jfmr.v16i5.617 <i>Received:</i> September 19, 2024 <i>Accepted:</i> April 28, 2024 <i>Published:</i> October 25, 2025 Keywords: Management; Scientific research; Student. JEL codes: I20, I23, I29	The study was conducted to analyze the current situation of managing student scientific research activities, and propose solutions to improve management effectiveness. A quantitative research method was employed through surveys targeting two main groups: the university's administrators, lecturers, and students. Over a period of one month, the research team collected 274 valid responses at Nong Lam University, Ho Chi Minh City, which were analyzed using SPSS software. The findings reveal differences compared to previous studies by focusing on evaluating two separate groups (administrators, lecturers, and students) while simultaneously proposing practical recommendations to enhance the management of student scientific research activities. These recommendations include strengthening management capacity, raising awareness of scientific research, effectively utilizing available resources, and promoting the publication, dissemination, and application of research outcomes.

*Corresponding author:

Email: han.nguyendongoc@hcmuaf.edu.vn



**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU
TRƯỜNG HỢP TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Nguyễn Đỗ Ngọc Hân^{1*}, Đinh Thị Mỹ Loan¹, Lưu Thanh Quang²

¹Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II - Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
DOI: 10.52932/jfmr.v16i5.617 Ngày nhận bài: 19/09/2024 Ngày chấp nhận: 28/04/2025 Ngày đăng: 25/10/2025 Từ khóa: Nghiên cứu khoa học; Quản lý; Sinh viên. Mã JEL: I20, I23, I29	Nghiên cứu được triển khai nhằm mục tiêu phân tích thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này. Phương pháp nghiên cứu định lượng được áp dụng thông qua khảo sát đối với hai nhóm đối tượng chính gồm cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian một tháng, nhóm nghiên cứu đã thu thập 274 bảng khảo sát hợp lệ và xử lý bằng phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy, có sự khác biệt so với các nghiên cứu trước đây khi tập trung vào việc đánh giá hai nhóm đối tượng riêng biệt (cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên), đồng thời đề xuất nhiều khuyến nghị thiết thực nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các khuyến nghị bao gồm nâng cao năng lực trong công tác quản lý, nhận thức về nghiên cứu khoa học, khai thác hiệu quả các nguồn lực, cũng như tăng cường công bố, xuất bản và ứng dụng các công trình nghiên cứu.

1. Giới thiệu

Nghiên cứu khoa học được xem là một trong những hoạt động cốt lõi và thường xuyên triển khai tại các trường đại học, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của cơ sở giáo dục. Theo nghiên cứu

của Nguyễn Thị Như Trang và cộng sự (2023) cũng như quan điểm của Runi và cộng sự (2017), tại các cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm mà còn là chức năng thiết yếu đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên. Các số liệu về công bố khoa học thường được sử dụng như một chỉ số quan trọng để đánh giá năng lực nghiên cứu của giảng viên, xếp hạng đại học, và đo lường mức độ phát triển khoa học – công nghệ của một quốc gia (Cadez và cộng sự, 2015) (*xem Phụ lục 12 online*).

*Tác giả liên hệ:

Email: han.nguyendongoc@hcmuaf.edu.vn

Nghiên cứu này được kỳ vọng mang lại giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện khung lý thuyết về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, qua đó tạo cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo. Trên phương diện thực tiễn, kết quả khảo sát, đánh giá hiện trạng công tác quản lý nghiên cứu khoa học đã chỉ ra những thành tựu đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Đồng thời, đề tài còn cung cấp thêm minh chứng thực tiễn cho các nghiên cứu so sánh quản lý hoạt động nghiên cứu giữa các trường đại học trong nước, giúp xác định rõ hơn những phương pháp quản lý phù hợp, góp phần xây dựng mô hình đánh giá mức độ tác động của các yếu tố liên quan đến chất lượng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Ngoài ra, với sự phát triển của công nghệ 4.0 như hiện nay, việc áp dụng các công nghệ mới vào công tác quản lý có thể cải thiện hiệu suất và hiệu quả của quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu hiện tại nhằm góp phần mở rộng và lấp đầy những khoảng trống hiện tại trong nghiên cứu về công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại Việt Nam; từ đó, đề xuất một số khuyến nghị, hàm ý nhằm nâng cao chất lượng trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại các trường đại học.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Phân cấp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Theo nghiên cứu của Hồ Anh Tuấn (2024), phân cấp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thể hiện ở ba cấp chính bao gồm quản lý cấp trường, quản lý cấp khoa và quản lý của Giảng viên hướng dẫn. Cụ thể:

Quản lý cấp trường. Đây là cấp quản lý cao nhất đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Nhà trường sẽ thực hiện việc

triển khai, xây dựng các chính sách và quy định liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, bao gồm quy định về đào tạo, đăng ký, và quản lý dự án nghiên cứu đồng thời đánh giá và cập nhật các chính sách theo yêu cầu thực tế và sự phát triển của nghiên cứu khoa học. Quản lý cấp trường cũng xác định các nguồn tài chính và phân bổ ngân sách cho hoạt động nghiên cứu, bao gồm cả tài trợ từ các dự án nghiên cứu hoặc các nguồn tài trợ bên ngoài trên cơ sở đó đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách và báo cáo tài chính liên quan đến các hoạt động nghiên cứu. Xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác nội bộ (giữa các khoa, viện, trung tâm) và ngoại bộ (với các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp, cộng đồng). Ngoài ra, quản lý cấp trường cũng chỉ đạo các cơ quan chức năng, các khoa giáo viên, đơn vị quản lý sinh viên trong việc tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thông tin tài liệu và các trang bị cần thiết cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu cùng một số hoạt động khác.

Quản lý cấp khoa. Quản lý cấp khoa trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đóng vai trò trong việc đảm bảo các hoạt động nghiên cứu diễn ra hiệu quả và mang lại giá trị thực tế. Đây là nơi mà các giảng viên hướng dẫn và các bộ phận quản lý hành chính trực tiếp tương tác và hỗ trợ sinh viên trong quá trình nghiên cứu. Quản lý cấp khoa đảm bảo rằng, các chính sách và quy định về nghiên cứu khoa học được thiết lập và áp dụng một cách chặt chẽ và rõ ràng. Các bộ phận này cũng chịu trách nhiệm về việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học và sáng tạo, bao gồm xây dựng các hoạt động nghiên cứu chung, tổ chức hội thảo khoa học, và tạo ra môi trường thích hợp cho sinh viên tham gia các dự án nghiên cứu. Quản lý cấp khoa còn có nhiệm vụ quản lý nguồn lực và hỗ trợ cho các dự án nghiên cứu như phân bổ ngân sách, quản lý thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu, đảm bảo sự minh bạch và công khai trong việc sử dụng nguồn lực là một yếu tố quan trọng để tạo sự tin tưởng và khích lệ sinh viên tham gia tích cực vào nghiên cứu. Nhìn chung quản lý cấp

khoa sẽ thực hiện quản lý hướng nghiên cứu, việc tổ chức hướng dẫn sinh viên; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phân công cán bộ hướng dẫn sinh viên; tổ chức hội nghị khoa học hàng năm cấp mình quản lý (Hồ Anh Tuấn, 2024).

Quản lý của Giảng viên hướng dẫn. Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học và nội dung được phân công hướng dẫn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012). Ở khía cạnh khác, Hồ Anh Tuấn (2024) đề cập đến nội dung quản lý của Giảng viên thông qua việc gợi mở cho sinh viên hướng nghiên cứu, giúp sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu phù hợp, hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài; cung cấp tài liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ và kết quả nghiên cứu đồng thời động viên, khuyến khích, nhắc nhở sinh viên trong quá trình nghiên cứu và đánh giá kết quả nghiên cứu sau khi thực hiện.

2.2. Quản lý công tác tư tưởng nhận thức về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Theo Hồ Anh Tuấn (2024), để hoạt động nghiên cứu khoa học có hiệu quả thì công tác quản lý cần làm tốt việc giáo dục tuyên truyền ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ đó tác động lên nhận thức tạo tiền đề để thực hiện các nội dung về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tốt hơn. Khi sinh viên có hứng thú và động lực làm nghiên cứu khoa học thì sẽ có khả năng hoàn thành với kết quả tốt hơn cũng như thu hút được nhiều sinh viên tham gia hơn.

Có thể hiểu quản lý công tác tư tưởng nhận thức về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động nhằm định hướng, giáo dục, tuyên truyền để sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng, ý nghĩa, mục đích và nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học. Qua đó khơi dậy niềm đam mê, hứng thú, tinh thần trách nhiệm và ý thức tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Một số khía cạnh có thể đề cập đến trong hoạt động này như tuyên truyền, giáo dục về

tầm quan trọng, ý nghĩa, mục đích và nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học; tạo môi trường thuận lợi để sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; tăng cường giao tiếp, phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc quản lý công tác tư tưởng nhận thức về nghiên cứu khoa học của sinh viên.

2.3. Quản lý các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Theo Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), các nguồn lực phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm nguồn nhân lực, vật lực và tài lực. Cụ thể:

Nguồn nhân lực. Đây là nguồn lực liên quan đến con người tham gia vào quá trình quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học. Nguồn lực này bao gồm CBQL, giảng viên hướng dẫn và sinh viên. Trong đó, CBQL là những người có trách nhiệm tổ chức, quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Những CBQL chủ chốt phải được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm quản lý và nghiên cứu khoa học. Giảng viên hướng dẫn có vai trò quan trọng trong việc định hướng, hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Giảng viên cần có chuyên môn cao, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học phong phú và tâm huyết với nghề, phẩm chất chính trị, thế giới quan khoa học, có kiến thức chuyên sâu, năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực giao tiếp, quản lý, có kỹ năng để tiến hành hoạt động sư phạm đạt hiệu quả tốt (Hồ Anh Tuấn, 2024). Còn sinh viên là chủ thể chính của hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây là lực lượng đông đảo trong các trường đại học, có phẩm chất tốt, có tư tưởng vững vàng, có nhận thức đúng đắn về hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học song hiện nay số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học của các trường đại học còn hạn chế. Do vậy sinh viên cần có tinh thần ham học hỏi, sáng tạo, có ý thức tự giác và trách nhiệm cao trong nghiên cứu khoa học.

Nguồn vật lực. Trong nghiên cứu của Hồ Anh Tuấn (2024) và Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), nguồn vật lực đều đề cập đến các CSVC,

trang thiết bị trong kế hoạch của trường liên quan đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học đồng thời phục vụ cho hoạt động chung của nhà trường. Một số CSVC điển hình có thể đề cập đến như thư viện, hệ thống Internet và công nghệ thông tin, các tài liệu, sách, báo liên quan đến các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

Nguồn tài lực. Đây là nguồn lực về tài chính dùng để tài trợ cũng như duy trì các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Theo Hồ Anh Tuấn (2024), nguồn kinh phí chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí do nhà nước cấp dành cho hoạt động giáo dục đào tạo. Tuy nhiên, vẫn có một số nguồn kinh phí khác từ bên ngoài như kinh phí hỗ trợ từ nhà trường, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp. Đây là nguồn lực quan trọng để sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Kinh phí được sử dụng để mua sắm vật tư, trang thiết bị, tham dự hội thảo khoa học,... hoặc tài trợ học bổng dành cho sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học, là động lực khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

2.4. Quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Theo nghiên cứu của Nguyễn Vĩnh Khương (2012), quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm bốn nội dung chính sau: (1) lên kế hoạch quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; (2) tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học; (3) chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học; (4) kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học. Tương tự, Nguyễn Thị Huyền Trang (2022) cũng cho rằng, quy trình tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học; tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học theo kế hoạch; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học.

Lên kế hoạch quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây là bước đầu tiên cần thực hiện

trong quy trình quản lý. Nhà trường cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể, rõ ràng, khả thi và phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển của khoa học kỹ thuật và nhu cầu của xã hội. Đây cũng là cơ sở để lập kế hoạch thực hiện bao gồm các nội dung chính như lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, dự toán kinh phí, xác định thời gian hoàn thành đề tài. Để công tác quản lý đạt hiệu quả, nhà trường cần xác định rõ ràng trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể trong việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học đồng thời ban hành các văn bản quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học như quy chế quản lý nghiên cứu khoa học, quy trình xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học, v.v. Ngoài ra, nhà trường cũng cần xác định rõ các nguồn lực cần thiết cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm cả nguồn lực bên trong và bên ngoài.

Tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học. Sau khi kế hoạch được xây dựng và phê duyệt, hoạt động nghiên cứu khoa học được tổ chức thực hiện. Các nhiệm vụ cần thực hiện như giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban, cá nhân; cung cấp các nguồn lực cần thiết như kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị...; theo dõi thường xuyên tiến độ thực hiện nghiên cứu khoa học và điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết và giải quyết các khó khăn và vướng mắc khi tham gia nghiên cứu khoa học.

Chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học. Công tác chỉ đạo, theo dõi được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên từ đó kịp thời đưa ra các chính sách, phương án giải quyết kịp thời cho các tình huống phát sinh đồng thời đánh giá được tiến độ thực hiện nghiên cứu khoa học và chất lượng nghiên cứu khoa học.

Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học. Đây là bước cuối cùng trong quy trình quản lý. Nhà trường muốn biết hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung, kế hoạch, tiến độ thực hiện các kế hoạch đó thì

phải thực hiện chức năng kiểm tra đánh giá. Kết quả đánh giá sẽ dựa trên các tiêu chí như tính sáng tạo, tính ứng dụng, giá trị khoa học của đề tài, v.v. Tuy nhiên, thông thường các tiêu chí đánh giá chất lượng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên được xây dựng trên cơ sở quy chế giáo dục đào tạo của Bộ GD&ĐT, quy chế GD&ĐT và quy chế hoạt động khoa học của các trường đại học, học viện

Quản lý hoạt động xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đây là một trong những hoạt động có vai trò quan trọng trong việc phát triển nền tảng học thuật và khoa học của một trường đại học. Việc xuất bản và công bố các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên cần được quản lý chặt chẽ để đảm bảo tính chính xác, minh bạch và tránh tình trạng vi phạm bản quyền. Yêu cầu này đòi hỏi nhà trường phải có các quy định rõ ràng về quy trình xuất bản, từ khâu nộp bài, thẩm định, đến khâu xuất bản chính thức. Các công trình sau khi được công bố cần được lưu trữ và phổ biến rộng rãi để đảm bảo rằng kết quả nghiên cứu không chỉ dừng lại ở phạm vi nhà trường mà còn được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong cộng đồng khoa học.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên vào thực tiễn là một hoạt động quan trọng, nhằm biến các kết quả nghiên cứu thành những sản phẩm, giải pháp có giá trị thực tế. Do đó, nhà trường cần xây dựng cơ chế hỗ trợ và khuyến khích sinh viên trong việc thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu hoặc áp dụng các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và các dự án cộng đồng. Quản lý hiệu quả hoạt động này sẽ giúp nâng cao uy tín của nhà trường, thúc đẩy tinh thần nghiên cứu sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo ra những đóng góp thiết thực cho xã hội. Việc phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng, từ giảng viên hướng dẫn đến phòng quản lý nghiên cứu, là điều kiện tiên quyết để đảm bảo quá trình xuất bản và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên diễn ra suôn sẻ và hiệu quả.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng hai nguồn dữ liệu chính, gồm dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các bài báo khoa học, website và tài liệu có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trong khi đó, dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp đối với cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên và sinh viên tại Trường Đại học Nông Lâm TPHCM. Trong vòng một tháng, từ ngày 01/7/2024 đến 31/7/2024, nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập bảng hỏi bằng hình thức trực tuyến qua Google Forms, đồng thời phát tán đường link khảo sát trên các kênh như Facebook, Zalo và E-mail cho CBQL, giảng viên và sinh viên. Nội dung khảo sát được chia thành ba phần: (1) Thông tin cá nhân và đặc điểm nhân khẩu học của người tham gia; (2) Các câu hỏi đánh giá nhận định, quan điểm cũng như mức độ đồng thuận của đối tượng khảo sát liên quan đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (nghiên cứu khoa học) của sinh viên; (3) Các tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng với thang đo Likert 5 mức độ, từ 1-“Rất không đồng ý” đến 5-“Rất đồng ý” và từ 1-“Rất yếu” đến 5-“Tốt”. Sau khi loại bỏ 56 bảng trả lời không hợp lệ (thiếu dữ liệu), nhóm nghiên cứu thu được 218 phiếu khảo sát hợp lệ từ giảng viên và CBQL cùng 56 phiếu hợp lệ từ sinh viên. Các kết quả thu thập phản ánh đặc điểm nhân khẩu học cũng như ý kiến đánh giá của người tham gia về hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Chi tiết về các đặc điểm này được trình bày trong Phụ lục 1 (xem *Phụ lục 1 online*).

3.2. Xây dựng thang đo nghiên cứu

Các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này được điều chỉnh từ những thang đo đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây liên quan đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường đại học. Để đảm bảo hơn nữa giá trị nội dung của các thang đo, tác giả đã tiến hành nghiên cứu định tính thông qua khảo sát thử với một số đối tượng là CBQL, giảng viên

và sinh viên đang công tác, học tập tại Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh. Dựa vào kết quả này, tác giả đề xuất sử dụng các thang đo (xem Phụ lục 2 online):

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

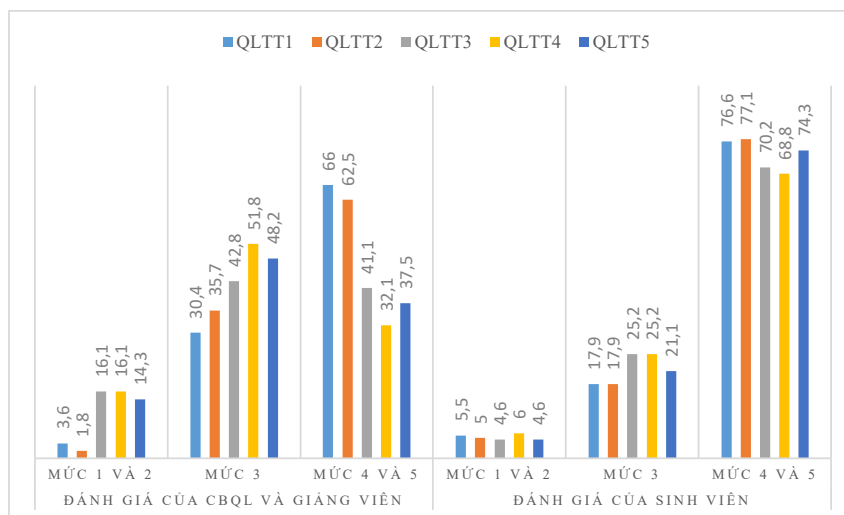
Dựa trên các tài liệu khoa học liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học (bài báo, giáo trình, tạp chí,...) tác giả thực hiện hồi cứu, phân tích, tổng hợp, so sánh các dữ liệu thứ cấp từ đó khái quát hóa các nội dung tổng quan lý thuyết về vấn đề nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, trọng tâm của nghiên cứu là sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn thông qua khảo sát điều tra bằng bảng hỏi đối với hai nhóm đối tượng chính là CBQL, giảng viên và sinh viên tại Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh. Các dữ liệu được đưa vào phân tích bằng phần mềm SPSS 22 và trình bày ở dạng tỉ lệ phần trăm (%) và tần số.

4. Kết quả và đánh giá

4.1. Thực trạng công tác quản lý tư tưởng, nhận thức về nghiên cứu khoa học của sinh viên

Các phát hiện từ nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt khá lớn giữa quan điểm đánh giá của

CBQL, giảng viên và sinh viên (Bảng 3). Tiêu chí QLTT1 và QLTT2 nhận được sự đánh giá khá cao từ CBQL, giảng viên và sinh viên tham gia khảo sát với tỷ lệ trung bình trên 63%. Tuy nhiên, sự khác biệt nằm ở kết quả đo lường các tiêu chí liên quan đến sự hứng thú và chủ động của sinh viên, khả năng hoàn thành đề tài nghiên cứu và kỹ năng, phương pháp nghiên cứu. Trong đó, tiêu chí QLTT3 chỉ được 41,1% CBQL và giảng viên đánh giá tích cực ($M=3,35$) nhưng lại có hơn 70% sinh viên tham gia khảo sát cho rằng sinh viên của trường rất hứng thú và luôn chủ động đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học ($M=3,93$). Tiêu chí QLTT4 cũng nhận được nhiều ý kiến đánh giá khác nhau từ đối tượng tham gia khảo sát. Chỉ có 32,1% CBQL và giảng viên đồng ý với quan điểm nêu trên ($M=3,17$) trong khi đa số sinh viên cho rằng các sinh viên luôn hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu khoa học đúng thời gian ($M=3,88$). Tiêu chí QLTT5 cũng chỉ nhận được sự đồng ý của 37,5% CBQL và giảng viên nhưng có đến 74,3% sinh viên cho rằng, các sinh viên hiện nay đã có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học (xem Phụ lục 3 online).



Ghi chú: Mức 1 và 2: Rất không đồng ý/Không đồng ý; Mức 3: Bình thường; Mức 4 và 5: Rất đồng ý/Đồng ý.

Hình 1. Đánh giá về thực trạng công tác quản lý tư tưởng, nhận thức về nghiên cứu khoa học (Tỷ lệ: %)

4.2. Thực trạng công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp

Đối với công tác quản lý cấp Trường. Qua Phụ lục 4 (xem Phụ lục 4 online) có thể thấy, có sự chênh lệch nhỏ về kết quả đánh giá giữa CBQL, giảng viên và sinh viên. Trong đó, tiêu chí QLCT1 được đánh giá cao với sự đồng ý từ CBQL và giảng viên là 87,5% ($M = 4,17$); sinh viên là 76,1% ($M = 4,06$). Tiêu chí QLCT2 cũng nhận được sự đánh giá cao với 83,9% CBQL và giảng viên đưa ra quan điểm đồng ý/rất đồng ý với nhận định này ($M = 4,12$) và 75,3% sinh viên ($M = 4,00$). Nội dung được sinh viên quan tâm và đánh giá cao nhất là tiêu chí QLCT3 với tỷ lệ đồng ý là 80,2% ($M = 4,11$). Tiêu chí QLCT5 và QLCT6 cũng là hoạt động đang được triển khai và thực hiện thường xuyên, đều đặn tại trường nên nhận được sự đánh giá cao của CBQL, giảng viên và sinh viên với tỷ lệ đồng ý trên 76%. Tuy nhiên QLCT4 lại là tiêu chí nhận được đánh giá thấp nhất từ CBQL và giảng viên với tỷ lệ đồng ý chỉ có 57,1% ($M = 3,76$). Ngược lại, sinh viên vẫn nhìn nhận hoạt động liên kết hiện tại của trường khá tốt với tỷ lệ 76,6% ($M = 4,08$).

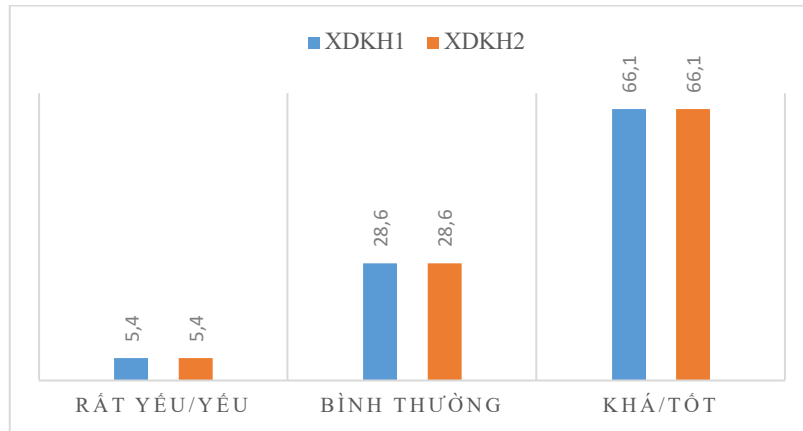
Đối với công tác quản lý cấp Khoa. Có sự tương đồng về khía cạnh này khi CBQL, giảng viên và sinh viên đều ưu tiên nội dung liên quan đến QLCK3 và được xếp thứ bậc đánh giá ưu tiên là 1/5 đối với cả hai nhóm. Tiêu chí xếp hạng ưu tiên thứ hai là QLCK2 với tỷ lệ đồng ý/rất đồng ý của CBQL, giảng viên là 76,8% ($M = 4,03$) và sinh viên là 80,3% ($M = 4,11$). Các hoạt động như QLCK4 và QLCK5 được sinh viên đánh giá khá cao với tỷ lệ lần lượt là 75,7% ($M = 3,98$)

và 76,6% ($M = 4,02$) tuy nhiên lại không được CBQL và giảng viên đánh giá cao. Mặc dù có sự chênh lệch giữa hai nhóm nhưng kết quả đánh giá trung bình dao động ở mức khá cao từ 3,58 đến 4,35 cho thấy công tác quản lý nghiên cứu khoa học cấp Khoa đang được đánh giá tương ứng với thực tế triển khai (xem Phụ lục 5 online).

Đối với công tác quản lý hoạt động nghiên cứu của Giảng viên. Dựa vào kết quả thống kê tại Phụ lục 6 (xem Phụ lục 6 online) có thể thấy, đánh giá của CBQL, giảng viên và sinh viên đối với các tiêu chí được đo lường đều khá tương đồng về quan điểm với tỷ lệ đồng ý/rất đồng ý trên 80%. Trong đó, cao nhất là tiêu chí GVQL2 được 91,1% CBQL và giảng viên đánh giá tích cực ($M = 4,32$) và 86,2% sinh viên đánh giá tích cực ($M = 4,24$). Hai tiêu chí còn lại nhận được sự đánh giá cao hơn từ CBQL và giảng viên (trên 86%) so với đánh giá của sinh viên (dưới 86%).

4.3. Thực trạng công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên

Kết quả khảo sát cho biết, CBQL và giảng viên đánh giá công tác xây dựng kế hoạch nhìn chung với tỷ lệ đánh giá ở mức khá và tốt trên 66% và GTTB là 3,91 và 3,87 (xem Phụ lục 7 online). Tuy nhiên, hai nội dung này tại trường vẫn chưa được hiệu quả như mong đợi. Với kết quả khảo sát hiện tại, công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của trường cần điều chỉnh và cải thiện rất nhiều liên quan đến việc bổ sung nguồn lực cho quản lý và xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết đối với các hoạt động trong năm.



Hình 2. Đánh giá của CBQL và giảng viên về công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên (Tỷ lệ: %)

4.4. Thực trạng tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

CBQL, giảng viên đánh giá các nội dung trong công tác tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên ở mức tốt với GTTB trên 4 và sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên (GTTB dao động từ 3,86 đến 3,97). Có thể dễ dàng nhận thấy, kết quả đánh giá tốt của CBQL và giảng viên cao hơn so với sinh viên. Cụ thể: Tiêu chí TCTK1 được 80,3% CBQL và giảng viên đánh giá đang thực hiện ở mức khá/tốt ($M = 4,08$) còn sinh viên là 71,1% ($M = 3,86$). Đây cũng là tiêu chí nhận được sự đánh giá thấp nhất từ quan điểm của sinh viên. Tiêu chí TCTK2 được CBQL và giảng viên đánh giá có hiệu quả thực hiện ở mức cao nhất (80,4%; $M = 4,12$) còn sinh viên là 72,9% ($M = 3,94$). Tiêu chí TCTK3 nhận được tỷ lệ ý kiến đánh giá khá/tốt từ CBQL và giảng viên (76,8%; $M = 4,03$) và sinh viên (73,4%; $M = 3,97$). (xem Phụ lục 8 online)

4.5. Thực trạng công tác chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Về quan điểm đánh giá của CBQL và giảng viên. Trong ba tiêu chí được đề cập thì CDTD3 được đánh giá cao nhất với tỷ lệ khá/tốt là 85,7% ($M = 4,21$); CDTD1 là 71,4% ($M = 3,96$) và CDTD2 là 71,4% ($M = 3,91$). Về khía cạnh đánh giá của sinh viên đối với các nội dung

tương tự, kết quả thu thập được cho thấy, cả ba tiêu chí đều được sinh viên đánh giá cao với GTTB trên 4. Tuy nhiên, ngược lại với ý kiến đánh giá của CBQL và giảng viên, sinh viên đánh giá cao nhất đối với nội dung về hoạt động CDTD3 (81,6%; $M = 4,11$). Nội dung CDTD1 được đánh giá hiệu quả thực hiện thấp nhất trong ba nội dung nhưng về tổng thể vẫn ở mức tốt với tỷ lệ đánh giá khá/tốt của sinh viên đạt 77,5% ($M = 4,02$).

4.6. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Về nhận định của CBQL và giảng viên. Đa số CBQL và giảng viên tham gia khảo sát cho rằng, các công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đều được thực hiện và mang lại kết quả ở mức khá tốt trở lên với GTTB đạt từ 3,62 đến 3,91. Trong đó tiêu chí KTDG1 được nhiều CBQL và giảng viên đánh giá cao với tỷ lệ 75% ($M = 3,96$) (xem Phụ lục 10 online).

Về nhận định của sinh viên. Từ kết quả tại Phụ lục 10 có thể thấy, đa số sinh viên đều cho rằng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học được thực hiện ở mức tốt với GTTB dao động từ 3,88 đến 4,03. Trong đó tiêu chí KTDG2 được đánh giá có hiệu quả thực hiện tốt nhất với tỷ lệ 76,6% ($M = 4,03$). Tiêu chí KTDG4 nhận được tỷ lệ đánh giá ở mức độ khá/tốt thấp nhất trong bốn

tiêu chí và ghi nhận những phản hồi chưa tốt như 10,7% CBQL và giảng viên cho rằng việc kết hợp các hình thức kiểm tra (định kì, đột xuất...) vẫn còn yếu, chưa mang lại hiệu quả cao nên tỷ lệ sinh viên đạt giải thưởng trong các cuộc thi vẫn còn thấp (dưới 30%).

4.7. Thực trạng quản lý các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Qua khảo sát thực tế (xem Phụ lục 11 online) có thể thấy, đa số CBQL, giảng viên và sinh viên đều đánh giá không cao về thực trạng quản lý các nguồn lực này. Cụ thể:

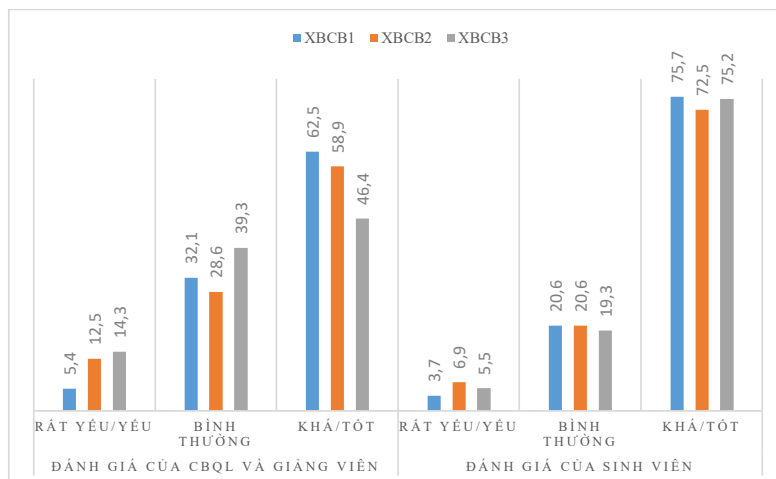
Về nguồn vật lực. Hệ thống phòng đọc, thư viện chưa được quản lý tốt. Tỷ lệ đánh giá ở mức khá trở lên của nội dung này từ CBQL và giảng viên là 55,4% ($M = 3,58$) và sinh viên là 66,5% ($M = 3,84$). Khi được hỏi về thực trạng quản lý các nguồn tài liệu, CBQL và giảng viên đánh giá ở mức khá/tốt chỉ có 44,6% ($M = 3,48$), trong khi đó tỷ lệ đánh giá bình thường và yếu/rất yếu chiếm hơn 50%. Đối với sinh viên, tiêu chí này nhận được khoảng 66% sinh viên đánh giá từ khá trở lên ($M = 3,83$). Nội dung được đánh giá thấp nhất liên quan đến hạ tầng công nghệ thông tin với sự đánh giá cao của CBQL và giảng viên chỉ bằng 42,9% ($M = 3,35$) và sinh viên là 64,6% ($M = 3,72$). Kết quả này cho thấy, nguồn lực hạ tầng công nghệ thông tin tại trường đang có nhiều bất cập, chưa được quản lý cũng như

đầu tư đúng mức, làm ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và nghiên cứu nói chung.

Về nguồn tài lực. Kinh phí là vấn đề tài chính luôn được quan tâm hàng đầu trong quá trình tham gia nghiên cứu khoa học. Nhiều khó khăn mà sinh viên gặp phải liên quan đến kinh phí (không đủ kinh phí, kinh phí thanh toán chậm, thủ tục thanh toán phức tạp,...) gây trở ngại và hạn chế trong quá trình tham gia và thực hiện nghiên cứu của sinh viên. Do vậy, chỉ có 50% CBQL và giảng viên đưa ra đánh giá khá/tốt liên quan đến kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học ($M = 3,48$) và 69,2% sinh viên đồng quan điểm rằng, công tác quản lý kinh phí đang được thực hiện khá tốt. Thực tế kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học là các khoản chi không thường xuyên, trong khi đó các khoản chi không thường xuyên chỉ chiếm 35% tổng nguồn chi nên còn nhiều hạn chế.

4.8. Thực trạng quản lý hoạt động xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên

Kết quả (xem Phụ lục 12 online) cho thấy, các nội dung liên quan đến thực trạng quản lý hoạt động xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên dưới quan điểm của CBQL và giảng viên. Các nội dung khảo sát đều có kết quả đánh giá GTTB ở mức khá (từ 3,41 đến 3,67).



Hình 3. Thực trạng quản lý hoạt động xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên

Cụ thể:

Tiêu chí XBCB1 được CBQL và giảng viên đánh giá cao nhất với tỷ lệ ở mức khá trở lên là 62,5% ($M = 3,67$). Bên cạnh đó, XBCB2 cũng được CBQL và giảng viên đánh giá ở mức khá ($M = 3,57$). Với hoạt động này chỉ có 58,9% những người tham gia khảo sát cho rằng, trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh đang thực hiện khá/tốt; 28,6% ý kiến đánh giá ở mức độ bình thường và 12,5% đánh giá đang thực hiện ở mức yếu/rất yếu. Trong khi đó, XBCB3 là hoạt động được đánh giá thấp nhất ($M = 3,41$). Chỉ có 46,4% những người tham gia khảo sát đánh giá ở mức khá trở lên trong khi đó có đến 14,3% đánh giá các hoạt động này ở mức rất yếu/yếu. Đây là kết quả đáng lo ngại khi các dự án nghiên cứu của sinh viên được đầu tư nghiên cứu và đánh giá cao nhưng lại không nhận được các nguồn lực hỗ trợ thích hợp để phát triển và ứng dụng thành tựu nghiên cứu vào thực tế.

Về góc độ nhìn nhận của sinh viên, các hoạt động quản lý xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học được đánh giá hiệu quả ở mức khá hơn so với quan điểm của CBQL và giảng viên. Đa số sinh viên tham gia khảo sát đánh giá nội dung XBCB1 ở mức khá tốt với tỷ lệ đồng ý lên đến 75,7% ($M = 3,97$). Ngược lại so với ý kiến của CBQL và giảng viên, đa số sinh viên cho rằng, hiện nay trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh thực hiện liên kết kêu gọi đầu tư từ các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án và áp dụng vào thực tiễn (75,2%; $M = 3,96$) tốt hơn so với việc tổ chức các hoạt động giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp (72,5%; $M = 3,90$).

4.9. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đã đánh giá một cách tổng quan nhất về thực trạng công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM thông qua các khía cạnh như công tác quản lý tư tưởng, nhận thức; công tác xây dựng kế hoạch; công tác tổ chức triển khai; công tác chỉ đạo, theo dõi; công tác kiểm tra, đánh giá; công tác quản lý nguồn lực và công tác quản lý hoạt động xuất bản, công bố. Kết quả nghiên cứu có những đóng góp

nhất định về mặt lý luận và thực tiễn đối với công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và dành cho sinh viên nói riêng.

Những phát hiện từ nghiên cứu chỉ ra rằng, quan điểm đánh giá giữa CBQL, giảng viên và sinh viên có sự khác biệt khá lớn. Sự khác biệt này có thể do khả năng tiếp cận thông tin khác nhau giữa hai nhóm đối tượng tham gia khảo sát. Với vị trí và vai trò khác nhau, CBQL, giảng viên và sinh viên sẽ có những đánh giá và quan điểm khác nhau về các hoạt động tại trường. Tuy nhiên, về tổng thể thực trạng công tác chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Nông Lâm vẫn ở mức hiệu quả khá và tốt. Những kết quả trong nghiên cứu này chứng tỏ rằng, nhà trường đã quan tâm đến công tác lập kế hoạch; tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch; kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như cố gắng đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy, công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh đã đạt được một số kết quả nhất định. *Thứ nhất*, Ban lãnh đạo trường và bộ phận có liên quan đã có các hoạt động giáo dục, tuyên truyền ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học cho sinh viên đồng thời chú trọng vào các hoạt động có thể thu hút mạnh mẽ sinh viên tham gia nghiên cứu. Trong quá trình hoạt động, nhà trường đã phối hợp với các viện, trường đại học và các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế tổ chức các hội nghị, hội thảo và buổi trình bày chuyên đề với sự tham dự của các nhà khoa học, giáo sư và chuyên gia quốc tế. Thông qua các hội thảo này đã tạo điều kiện cho các nhà quản lý, các nhà khoa học, các sinh viên quốc tế và sinh viên của nhà trường có dịp trao đổi, nâng cao kiến thức và kinh nghiệm khoa học. *Thứ hai*, có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý của trường từ Ban lãnh đạo đến các khoa và CBQL, giảng viên. Về cơ bản trường đã có kế hoạch cụ thể, chi tiết cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố rộng rãi đến sinh viên qua các kênh thông tin của trường (website, fanpage, thông báo bằng văn bản, thông qua các hội nhóm và câu lạc bộ trong

trường,...). Ngoài ra, trường cũng đã có những hoạt động tổ chức khen thưởng, động viên kịp thời đối với các sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. *Thứ ba*, các hoạt động liên quan đến việc phổ biến kế hoạch, phân công, phân nhiệm được thực hiện rõ ràng, cụ thể và chi tiết, đáp ứng yêu cầu thực tế và mang lại hiệu quả tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại trường vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Hạn chế đầu tiên liên quan đến các hoạt động quản lý công tác tư tưởng, nhận thức về nghiên cứu khoa học chưa được triển khai hiệu quả. Nhiều sinh viên chưa được tạo nhiều hứng thú và tinh thần chủ động đăng ký tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, đa số sinh viên tại trường hiện nay chưa được trang bị đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học. Sinh viên chưa hiểu được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học nên vẫn còn tình trạng làm đối phó, không thực sự đầu tư vào nghiên cứu nên chất lượng đề tài không cao và chưa bàn giao đúng thời hạn quy định. Thứ hai, công tác quản lý các nguồn lực chưa thực sự mang lại hiệu quả. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, một số công trình xây dựng hiện đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu. Việc bố trí sắp xếp không gian làm việc và nghiên cứu chưa hợp lý; việc triển khai thực hiện các dự án xây dựng các công trình kiến trúc còn gặp khó khăn do nhà trường chưa có quy hoạch chi tiết; trang thiết bị máy móc phục vụ thí nghiệm, thực hành thực tập ở một số khoa, bộ môn chỉ đáp ứng yêu cầu cơ bản, thiết bị chuyên dùng phục vụ thực hành chuyên sâu theo từng chuyên ngành còn hạn chế; suất đầu tư về cơ sở vật chất của nhà trường chưa tương ứng với quy mô và yêu cầu phát triển. Một hạn chế tiếp theo liên quan đến nguồn lực tài chính vì đây là một trong những yếu tố tác động đến quy mô, chất lượng cũng như việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính của nhà trường hiện nay chưa đa dạng và còn hạn chế. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế làm ảnh hưởng đến quá trình thu

hút sinh viên đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, các thủ tục, hồ sơ liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được rõ ràng và phức tạp khiến sinh viên e ngại khi đăng ký và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Tỷ lệ sinh viên đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học chưa đồng đều ở các khoa, các hoạt động để thu hút sinh viên tham gia nghiên cứu chưa được đồng bộ. Trường cũng bị hạn chế trong việc liên kết với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các đề tài nghiên cứu của sinh viên chủ yếu dừng lại ở việc đăng trên các tạp san, website hoặc lưu hành nội bộ trường ngoài một số ít các bài có chất lượng cao được gửi đi để xét duyệt đăng báo, tạp chí uy tín hay tham gia các hội thảo khoa học quốc tế. Việc tổ chức các hoạt động giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và liên kết kêu gọi đầu tư từ các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án và áp dụng vào thực tiễn vẫn chưa được quan tâm đúng mức và đạt hiệu quả cao. Thực trạng này xảy ra là do chất lượng của các đề tài nghiên cứu khoa học chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của các tạp chí lớn hoặc không đủ kinh phí chi trả cho việc đăng bài trên các tạp chí có yêu cầu trả phí công bố.

5. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

5.1. Kết luận

Nhìn chung, việc phát triển toàn diện của sinh viên không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn phải bao gồm phát triển năng lực tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng nghiên cứu khoa học. Hoạt động nghiên cứu khoa học là một phần quan trọng trong quá trình này. Bên cạnh đó, các lý thuyết về động cơ học tập cho thấy rằng, động lực nội tại của sinh viên, bao gồm niềm tin vào giá trị của việc học tập và nghiên cứu, đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định mức độ cam kết và chất lượng tham gia của họ vào các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học. Thông qua khảo sát đối với 274 CBQL, giảng viên và sinh viên tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã phân tích, đánh giá chi tiết từng khía cạnh trong công tác quản lý

hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên hiện nay. Thực tế, từ năm 2016 đến nay đã có những chuyển biến rõ rệt về cả số lượng lẫn chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, cho thấy sinh viên đã nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học mang lại. Đây cũng là cơ sở tiền đề để sinh viên có những nền tảng vững chắc hơn ở các đề tài nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai. Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên như nâng cao nhận thức, tư tưởng của sinh viên; nâng cao sự phối hợp và đồng bộ trong quản lý các cấp, đầu tư đa dạng các hình thức nghiên cứu cho sinh viên...tuy nhiên công tác quản lý tại trường hiện nay vẫn còn một số hạn chế nhất định như thiếu nguồn lực về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hạn chế về kinh phí nghiên cứu khoa học; quy trình, thủ tục phức tạp; hoạt động công bố, xuất bản và ứng dụng vào thực tiễn còn nhiều bất cập và hạn chế. Những hạn chế này đòi hỏi Ban lãnh đạo trường và các khoa/bộ môn và đơn vị liên quan phối hợp, đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời, hiệu quả. Kết quả trong nghiên cứu này sẽ đóng góp hữu ích vào quá trình xây dựng giải pháp của trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học hiện nay. Triển khai hiệu quả các giải pháp sẽ mang lại ý nghĩa cho các bên liên quan. Đối với hoạt động quản lý của trường, kết quả nghiên cứu giúp cải thiện chất lượng quản lý nghiên cứu khoa học sinh viên, giúp tăng số lượng và chất lượng đề tài nghiên cứu; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ nghiên cứu khoa học, tối ưu hóa các quy trình quản lý. Đối với sinh viên, được tạo điều kiện tốt hơn để sinh viên tiếp cận và tham gia vào nghiên cứu khoa học, nâng cao kỹ năng nghiên cứu, tư duy sáng tạo và khả năng làm việc nhóm đồng thời giúp sinh viên tăng cơ hội ứng dụng kiến thức vào thực tiễn và cải thiện cơ hội nghề nghiệp. Đối với giảng viên và nhà trường, kết quả nghiên cứu có thể tăng cường sự gắn kết giữa giảng viên và sinh viên trong các dự án nghiên cứu đồng thời nâng cao uy tín của trường qua các thành tựu khoa học và hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các giải pháp và kinh nghiệm triển khai có thể áp dụng hoặc điều chỉnh để phù hợp

với các trường đại học khác trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam nói chung.

5.2. Kiến nghị giải pháp

Như tác giả đã đề cập trong bài viết, mục đích của bài viết này nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh từ đó đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý tại trường. Dựa trên thực trạng nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác quản lý tư tưởng, nhận thức về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bằng cách xây dựng và tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục nhận thức về tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên thông qua các buổi hội thảo, chuyên đề về nghiên cứu khoa học; khuyến khích sinh viên đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học thông qua việc xây dựng các chương trình khuyến khích như học bổng, giải thưởng cho các sinh viên tham gia và đạt kết quả tốt trong nghiên cứu khoa học; thúc đẩy văn hóa nghiên cứu trong trường học, khuyến khích sinh viên nêu ra các ý tưởng mới, đặt câu hỏi và tham gia vào các nhóm nghiên cứu.

Thứ hai, chú trọng đầu tư nâng cấp và quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Trường cần rà soát, đánh giá lại toàn bộ hiện trạng cơ sở vật chất hiện tại để có căn cứ xây dựng phương án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị nghiên cứu. Đối với các phòng thí nghiệm và khu vực nghiên cứu, cần nâng cấp trang thiết bị hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Đầu tư nâng cấp và đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin; triển khai dịch vụ Internet băng thông rộng, đáp ứng nhu cầu truy cập của người học và viên chức 24/7 đồng thời triển khai các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của CBNV và giảng viên, sinh viên trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi tối đa về cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên. Cuối cùng đẩy mạnh hiệu quả của các nguồn lực tài chính bằng cách đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thường xuyên; quản lý tài chính minh bạch và

hiệu quả, quản lý các nguồn thu, thu đúng, thu đủ theo quy mô đào tạo và tuân thủ theo quy định Nhà nước; tăng nguồn thu bằng việc hợp tác và quản lý các quỹ nghiên cứu từ ngân sách nhà trường, các dự án hợp tác quốc tế, và sự hỗ trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp; xây dựng các chương trình hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp, nơi sinh viên và giảng viên có thể tham gia vào các dự án thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng nghiên cứu và mở rộng cơ hội tài trợ từ bên ngoài.

Thứ ba, tăng cường sự phối hợp trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp dựa trên việc xây dựng và ban hành các quy chế làm việc cụ thể, liên thông giữa các cấp quản lý từ trường đến khoa; thành lập ban chỉ đạo nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp khoa với sự tham gia của đại diện các phòng ban, khoa, viện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học. Để đảm bảo quá trình phối hợp giữa các cấp quản lý được đồng bộ, kịp thời, nhà trường cần ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý nghiên cứu khoa học trực tuyến, cho phép các cấp quản lý và giảng viên dễ dàng cập nhật, theo dõi tiến độ các dự án nghiên cứu.

Thứ tư, đẩy mạnh hiệu quả các hoạt động động xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên. Với những hạn chế đang còn tồn tại trong công tác xuất bản, công bố và ứng dụng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên như đã phân tích, nhà trường cần tìm kiếm và ký kết hợp tác với các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước để tạo điều kiện cho sinh viên công bố bài viết; đề nghị giảng viên hướng dẫn và theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của sinh viên nhằm đảm bảo chất lượng của đề tài và công trình nghiên cứu theo đúng tiến độ được duyệt; thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt trao đổi và lắng nghe ý kiến chia sẻ của sinh viên về những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, vướng mắc và hạn chế gặp phải trong quá trình nghiên cứu để điều chỉnh, khắc phục; có các chính sách hỗ trợ và hướng dẫn sinh viên trong quá trình viết và xuất bản đề tài nghiên cứu như tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng tìm kiếm tài liệu trên Google Scholar,

kỹ năng chọn lọc bài viết trên các tạp chí uy tín như ISI, SCOPUS,... kỹ năng viết bài khoa học, kỹ thuật biên tập, và cách thức xuất bản các công trình nghiên cứu. Ngoài ra, nhà trường cũng có thể mở rộng và nâng cao chất lượng các kênh xuất bản nội bộ hiện có hoặc xây dựng mới các tạp chí chuyên ngành, tạo cơ hội cho sinh viên xuất bản các công trình nghiên cứu của mình; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, và cơ quan nhà nước để tìm kiếm cơ hội ứng dụng các công trình nghiên cứu của sinh viên vào thực tiễn thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu, dự án ứng dụng, hoặc các hoạt động chuyển giao công nghệ. Cuối cùng, phòng quản lý và nghiên cứu khoa học cần thực hiện đánh giá định kỳ (có thể theo quý) để kiểm tra hiệu quả của các hoạt động xuất bản và ứng dụng công trình nghiên cứu. Dựa trên kết quả đánh giá, Ban lãnh đạo nhà trường có thể điều chỉnh chiến lược và đưa ra các biện pháp cải thiện nhằm nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu và số lượng đề tài được công bố, xuất bản.

Ngoài ra, để các giải pháp này hiệu quả không chỉ tại Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, các nghiên cứu trong tương lai có thể bổ sung mở rộng thêm các đối tượng nghiên cứu là sinh viên và cán bộ, giảng viên tại các trường đại học khác để so sánh và đánh giá công tác quản lý nghiên cứu khoa học giữa các cơ sở giáo dục đồng thời có thể nghiên cứu thêm về vai trò của giảng viên hướng dẫn, cán bộ quản lý hoặc các bên liên quan khác trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trong tương lai cũng có thể hướng đến việc mở rộng lĩnh vực nghiên cứu bằng cách khám phá thêm những yếu tố ảnh hưởng khác đến công tác quản lý nghiên cứu khoa học, chẳng hạn như vai trò của công nghệ số, hệ thống tài trợ nghiên cứu, hay mức độ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm mang lại những giá trị thực tiễn cao hơn.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Mặc dù đã có những đóng góp tích cực về mặt lý luận và thực tiễn, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Hạn chế đầu tiên của nghiên cứu liên quan đến sự giới hạn về phạm vi nghiên cứu, bao gồm cả giới hạn về không gian

và thời gian. Nghiên cứu chỉ tập trung vào các đối tượng là cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên đang làm việc, học tập tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh trong thời gian một tháng nên tính khái quát về vấn đề nghiên cứu phù hợp nhất trong bối cảnh công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh mà chưa được kiểm định đối với bối cảnh tại các trường khác. Phương pháp nghiên cứu chính được sử

dụng là phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua bảng điều tra khảo sát và phân tích bằng phần mềm SPSS nhưng kết quả mới chỉ dừng lại ở các kỹ thuật thống kê mô tả, đo lường giá trị trung bình mà chưa đi sâu được vào việc xây dựng mô hình nhằm đánh giá và đo lường mức độ hiệu quả của từng công tác quản lý đến hiệu quả quản lý chung từ đó có giải pháp điều chỉnh phù hợp hơn.

Tài liệu tham khảo

- Cadez, S., Dimovski, V., Zaman Groff, M. (2015). Research, teaching and performance evaluation in academia: the salience of quality. *Studies in Higher Education*. 42(8), 1455-1473. <https://doi.org/10.1080/03075079.2015.1104659>
- Hobbs, R. (1997). Future landscapes and the future of landscape ecology. *Landscape and Urban Planning*, 37(1-2), 1-9. [https://doi.org/10.1016/S0169-2046\(96\)00364-7](https://doi.org/10.1016/S0169-2046(96)00364-7)
- Purwanto, A., Fahlevi, M., Maharani, S., Muharom, F., Setyaningsih, W., Faidi, A., Azhar, A., Pramono, R., & Bernarto, I. (2020). Indonesian doctoral students article publication barriers in international high impact journals: Mixed methods research. *Systematic Reviews in Pharmacy*, 11(7), 547-555. <https://openurl.ebsco.com/EPDB%3Aagd%3A2%3A7221858/detailv2?sid=ebsco%3Aplink%3Ascholar&id=ebsco%3Aagd%3A156321777&crl=c>
- Runi, I., Ramli, M., Nujum, S., Kalla, R (2017). Influence leadership, motivation, competence, commitment to satisfaction and performance lecturer at private higher education Kopertis region IX in South Sulawesi province. *Journal of Business and Management (IOSRJBM)*, 19(7), 56-67. <https://www.iosrjournals.org/iosr-jbm/papers/Vol19-issue7/Version-7/I1907075667.pdf>
- Slaby, J., & Stephan, A. (2008). Affective intentionality and self-consciousness. *Consciousness and Cognition*, 17(2), 506-513. <http://dx.doi.org/10.1016/j.concog.2008.03.007>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học (ban hành theo thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-19-2012-TT-BGDĐT-hoat-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-sinh-vien-dai-hoc-140338.aspx>
- Hồ Anh Tuấn (2024). Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở trường đại học. *Tạp chí thiết bị giáo dục*, 1(306), 396-398.
- Nguyễn Thị Huyền Trang (2022). Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục [Luận án, Học viện Quản lý Giáo dục]. *Học viện Quản lý Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo*. https://drive.google.com/file/d/1yrt8x2JNaV4y6_JFtWB-j-go2dWkMJCI/edit
- Nguyễn Vĩnh Khương (2012). Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 37, 64-72. <https://vjol.info.vn/index.php/sphcm/article/view/13208/12072>
- Nguyễn Thị Thùy Giang, Nguyễn Hữu Lập (2023). *Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học*. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/09/12/nangcao-chat-luong-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-giang-vien-cac-truong-dai-hoc/>
- Nguyễn Thị Như Trang, Trần Lương, & Nguyễn Thị Bích Phượng (2023). Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của viên chức Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 61, 387-392. <https://doi.org/10.58490/ctump.2023i61.1788>